

TP. Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 4 năm 2020

BẢN TIN TUẦN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN LƯU VỰC SÔNG SÀI GÒN (VÙNG ĐÔNG NAM BỘ) NĂM 2020
(Tuần từ ngày 9 tháng 4 năm 2020 đến ngày 15 tháng 4 năm 2020)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	
Bến Cát	0,0	26,6	- 47,0	- 77,4	- 86,5	- 81,6	-	6,1
Bình Long	38,8	41,2	- 31,9	- 35,2	- 64,2	- 81,3	-	8,7
Cần Đăng	0,0	0,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	-	10,6
Dầu Tiếng	21,3	57,6	- 17,4	+ 61,8	- 56,2	- 70,8	+ 2.642	22,9
Đồng Ban	0,0	0,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	-	6,4
Gò Dầu	6,7	6,7	- 87,1	- 93,3	- 95,4	- 95,9	-	9,4
Lộc Ninh	0,0	1,4	- 97,0	- 97,1	- 99,0	- 99,3	-	11,9
Sở Sao	14,2	35,6	- 44,1	- 33,3	- 63,3	- 84,7	+ 79,8	12,8
Tân Sơn Hòa	0,0	9,9	- 80,9	+ 241,4	- 93,3	- 96,9	- 66,2	4,3
Tây Ninh	0,0	9,5	- 86,3	- 75,8	- 91,2	- 95,2	-	5,6
Trung bình	8,1	18,9	- 69,2	- 30,9	- 84,9	- 90,6	+ 885,5	9,9

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét:

Lượng mưa lũy tích trung bình các trạm đo chính trên khu vực thấp hơn TBNN 69,2%, thấp hơn năm 2019 là 30,9%, thấp hơn 84,9% so với năm 2018, thấp hơn 90,6% so với năm 2017 và cao hơn 855,5% so với năm 2016. Lượng mưa trong tuần lớn nhất tại trạm Bình Long (38,8 mm) và lượng mưa trong tuần nhỏ nhất tại các trạm Bến Cát, Cần Đăng, Đồng Ban, Lộc Ninh, Tân Sơn Hòa, Tây Ninh (0,0 mm).

Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 9,9 mm, có xu hướng thấp hơn trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Xu thế nguồn nước tuần tới	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2019	2018	2017		
Hồ Dầu Tiếng	1.580,00	834,82	52,84	- 10,0	- 1,7	- 11,0	- 27,8	Giảm	49,23
Hồ Càn Nôm	7,99	4,32	54,01	- 24,1	- 19,3	- 31,2	- 38,4	Giảm	65,08
Hồ Ba Veng	0,8674	0,65	74,72	+ 12,1	- 4,1	- 4,7	+ 7,1	Giảm	79,87
Hồ Tha La	23,47	15,29	65,17	- 30,6	- 34,8	- 34,8	- 33,3	Giảm	86,29
Hồ Bù Nâu	0,614	0,28	45,70	- 45,9	- 49,8	- 50,7	- 54,3	Giảm	42,98
Hồ Tà Thiết	1,15	0,242	21,02	- 31,0	- 27,3	- 21,6	- 43,8	Giảm	27,23
Hồ Rừng Cẩm	2,068	1,60	77,53	- 7,7	- 11,0	- 21,6	- 22,5	Giảm	62,47
Hồ Tà Te	0,756	0,37	48,56	- 29,3	- 24,1	- 33,7	- 39,8	Giảm	58,85
Hồ Suối Láp	0,37	0,36	96,20	- 27,7	+ 3,1	+ 48,3	+ 45,3	Giảm	88,61
Hồ Lộc Thạnh	2,957	1,98	66,79	+ 13,1	- 1,2	+ 23,4	+ 0,3	Giảm	65,54
Trung bình/Tổng	1.620,24^(*)	859,90	53,07	- 18,1	- 17,0	- 13,8	- 20,7		49,90

Ghi chú: “+”, “-” Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ. (*): Giá trị tổng.

Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 1.620 triệu m³. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 08/04/2020 ở mức trung bình so với DTTK, tổng dung tích trữ hiện tại là 859,90 triệu m³ (đạt 53,07% DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa thấp hơn so với cùng kỳ các năm 2017, năm 2018, năm 2019 và TBNN. Một số hồ có dung tích trữ thấp dưới 30% DTTK như: Hồ Tà Thiết (21,02% DTTK) thuộc tỉnh Bình Phước.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Khả năng cấp nước

a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 4 của vụ Đông Xuân 2019-2020 của 10 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực sông Sài Gòn (vùng Đông Nam Bộ) là **35,42** triệu m³.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Đông Xuân 2019-2020				Nhu cầu nước tưới tháng 4 cho vụ Đông Xuân 2019-2020 (10 ⁶ m ³)
		Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân (ha)				
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
Tổng cộng		6.715,0	1.681,0	35.265,0	447,0	35,42
1	Hồ Dầu Tiếng	6.500	1.647	32.613	440	32,92
2	Hồ Càn Nôm	89	31		7	0,09
3	Hồ Ba Veng			70		0,05
4	Hồ Tha La	10	3	2.237		1,93
5	Hồ Bù Nâu	42		50		0,06
6	Hồ Tà Thiết	70		20		0,15
7	Hồ Rừng Cẩm			90		0,07
8	Hồ Tà Te	4		30		0,03
9	Hồ Suối Láp			85		0,07
10	Hồ Lộc Thạnh			70		0,05

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 4 năm 2019 (10 ⁶ m ³)
1	Hồ Dầu Tiếng	79,98
2	Hồ Càn Nôm	0,34
3	Hồ Ba Veng	0,12
4	Hồ Tha La	2,55
5	Hồ Bù Nâu	0,26
6	Hồ Tà Thiết	0,31
7	Hồ Rừng Cấm	0,10
8	Hồ Tà Te	0,05
9	Hồ Suối Láp	0,11
10	Hồ Lộc Thạnh	0,11

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 4 cho vụ Đông Xuân, kết quả dự báo tuần từ ngày 09/04/2020 đến ngày 15/04/2020 như sau:

- 10/10 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%: Hồ Dầu Tiếng, hồ Càn Nôm, hồ Ba Veng, hồ Tha La, hồ Bù Nâu, hồ Tà Thiết, hồ Rừng Cấm, hồ Tà Te, hồ Suối Láp, hồ Lộc Thạnh.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2019-2020 từ ngày 09/04/2020 đến 15/04/2020			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Dầu Tiếng	52,84	41.200	51,30	100	41.200	Đủ nước
Hồ Càn Nôm	54,01	127	42,43	100	127	Đủ nước
Hồ Ba Veng	74,72	70	71,56	100	70	Đủ nước
Hồ Tha La	65,17	2.250	69,83	100	2.250	Đủ nước
Hồ Bù Nâu	45,70	92	38,91	100	92	Đủ nước
Hồ Tà Thiết	21,02	90	20,29	100	90	Đủ nước
Hồ Rừng Cấm	77,53	90	74,16	100	90	Đủ nước
Hồ Tà Te	48,56	34	46,50	100	34	Đủ nước
Hồ Suối Láp	96,20	85	93,93	100	85	Đủ nước
Hồ Lộc Thạnh	66,79	70	65,22	100	70	Đủ nước
Trung bình/Tổng	53,07	44.108^(*)	51,57	100	44.108^(*)	

Ghi chú: ^(*) giá trị tổng.

2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Tây Ninh	Thanh Bắc – Tân Biên	15,1	-	- 82	- 97	Rủi ro hạn trung bình

Dầu Tiếng	Tân Hà – Tân Châu		80,5	-	- 11	- 78	Rủi ro hạn thấp
	Thanh Đức – Gò Dầu						
	Cầu Khởi – Dương Minh Châu						
	Gia Lộc – Trảng Bàng						
Trung bình			47,8	-	- 47	- 88	Có nguy cơ xảy ra hạn

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi thấp hơn lượng mưa TBNN 47% và cao hơn so với năm có lượng mưa nhỏ nhất (do lượng mưa cộng dồn năm nhỏ nhất tính đến thời điểm ngày 15/4 các trạm là bằng 0 mm). Tuần qua một số trạm có mưa như: trạm Sở Sao 14,2 mm (Bình Dương); trạm Dầu Tiếng 21,3 mm, trạm Gò Dầu 6,7 mm (tỉnh Tây Ninh) giúp bổ sung nguồn nước kịp thời cho SXNN các khu vực này. Tuy nhiên, nhiều vị trí khác tính từ đầu năm đến nay lượng mưa đo được không đáng kể (phổ biến không mưa) và số ngày liên tiếp không mưa kéo dài (nhất là trạm Cần Đăng và Đồng Ban đã hơn 4 tháng không có mưa), khuyến cáo người dân có kế hoạch sử dụng nguồn nước tại chỗ hợp lý, sử dụng các biện pháp tưới tiết kiệm nước. Cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo thời tiết và bản tin dự báo nguồn nước tiếp theo để chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn.

3. Tổng hợp thông tin hạn hán

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
44.108	6.715	37.393					

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 15/04/2020 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 835,6 triệu m³ (chiếm 51,57% so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 10/10 hồ chứa trên lưu vực sông Sài Gòn (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi đến ngày 15/04/2020 không thay đổi.

Hiện tại, khu vực đang trong giai đoạn cao điểm mùa khô 2019-2020. Để bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp đến hết vụ Đông Xuân 2019-2020 và cả vụ

Hè Thu, kiến nghị một số nội dung sau: (1) Các vùng ngoài phạm vi cấp nước của các CTTL cần theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, nguồn nước để thực hiện kế hoạch gieo trồng, giảm thiểu thiệt hại khi nguồn nước không đảm bảo. Tranh thủ bơm, tát, trữ nước dự trữ khi có điều kiện về nguồn nước. (2) Tăng cường công tác tuyên truyền, thường xuyên thông báo tình hình thời tiết, nguồn nước để điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp; (3) Duy tu, sửa chữa công trình phục vụ phòng, chống hạn mặn. Nạo vét một số trục kênh chính, ưu tiên đầu tư nạo vét hệ thống thủy lợi nội đồng cùng cố bờ bao ngăn mặn, trữ ngọt, sửa chữa các cống, bọng, điều tiết nước... để tăng khả năng trữ nước ngọt và giữ kín nước, giảm tổn thất rò rỉ, trữ nước trên hệ thống kênh rạch nội đồng chống hạn, đảm bảo cấp nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 10 hồ chứa trên lưu vực sông Sài Gòn-vùng Đông Nam Bộ, các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 16/04/2020 (tuần sau)/.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo các sở NN&PTNT, CCTL, Cty KTCTTL 06 tỉnh vùng ĐNB;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu P. QHTL ĐNB và phụ cận.

VIỆN TRƯỞNG